VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công thương

Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 122/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Quyết định số 1987/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật";

Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công thương như sau:[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công thương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công thương.

Điều 3. Mục đích kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Phát hiện những nội dung trái pháp luật, nội dung không còn phù hợp của văn bản để kịp thời đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, hủy bỏ hoặc bãi bỏ văn bản, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để hướng dẫn thực hiện hoặc đôn đốc thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực công thương.

2. Kiến nghị cấp có thẩm quyền xác định trách nhiệm của đơn vị và cá nhân đã ban hành văn bản có nội dung trái pháp luật để có biện pháp xử lý; kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ các quy định không còn phù hợp hoặc ban hành các quy định mới để điều chỉnh.

---

[1] Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương."

Điều 4. Nguyên tắc kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật phải được thực hiện thường xuyên, kịp thời, khách quan, chính xác, theo đúng quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa đơn vị đầu mối của Bộ về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật với cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II
KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 5. Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, xử lý

Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra và xử lý là các văn bản quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 40/2010/NĐ-CP) có nội dung liên quan đến lĩnh vực công thương, đang còn hiệu lực tại thời điểm kiểm tra.

Điều 6. Nội dung kiểm tra

Nội dung kiểm tra bao gồm tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Thông tư số 20/2010/TT-BTP).

Điều 7. Cộng tác viên kiểm tra văn bản

1. Cộng tác viên kiểm tra văn bản phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có kiến thức, kỹ năng về công tác kiểm tra văn bản;

b) Có trình độ nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực thuộc nội dung văn bản được kiểm tra;

c) Có thâm niên công tác thuộc lĩnh vực đang đảm nhiệm từ 03 (ba) năm trở lên.

2. Cộng tác viên kiểm tra văn bản có thể được lựa chọn ở các đơn vị thuộc Bộ Công Thương hoặc các cơ quan, tổ chức khác và do Vụ trưởng Vụ Pháp chế xem xét, quyết định trên cơ sở thực hiện việc kiểm tra theo hợp đồng.

Điều 8. Trách nhiệm kiểm tra

1. Vụ Pháp chế:

a) Thực hiện đầu mối tổ chức tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền;

b) Xây dựng và đôn đốc thực hiện kế hoạch tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền đề xuất hình thức xử lý đối với văn bản có nội dung trái pháp luật;

c) Gửi thông báo đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc ban hành văn bản tự kiểm tra, xử lý văn bản có dấu hiệu trái với quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực công thương;

d) Theo dõi kết quả tự kiểm tra, xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật của cơ quan đã ban hành văn bản và đề xuất biện pháp xử lý để Bộ trưởng xem xét, quyết định trong trường hợp cơ quan đã ban hành văn bản không kiểm tra, xử lý hoặc kết quả xử lý không phù hợp với các quy định của pháp luật;

đ) Sơ kết, tổng kết; báo cáo công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo quy định của pháp luật;

e) Phối hợp với Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các cơ quan thông tin đại chúng để kịp thời tiếp nhận, xử lý thông tin về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật liên quan đến lĩnh vực công thương.

2. Các đơn vị thuộc Bộ:

Phối hợp với Vụ Pháp chế và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền và xử lý văn bản theo quy định của pháp luật; Chậm nhất Thứ Năm hàng tuần cập nhật và gửi danh mục văn bản của đơn vị đã được ban hành trong tuần trước gửi Vụ Pháp chế phục vụ công tác tự kiểm tra.

3. Văn phòng Bộ:

a) Chậm nhất Thứ Năm hàng tuần cập nhật danh mục các văn bản của Bộ đã được ban hành trong tuần trước (trừ các văn bản mật) và đăng lên trang Thông tin điện tử nội bộ để phục vụ công tác tự kiểm tra văn bản;

b) Gửi đăng Công báo kết quả xử lý văn bản trái pháp luật.

Mục 2
TỰ KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 9. Phạm vi tự kiểm tra

a) Các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành hoặc liên tịch ban hành của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

b) Các văn bản hành chính, cá biệt có chứa quy phạm pháp luật do Bộ Công Thương hoặc các đơn vị trong Bộ ban hành;

Điều 10. Trình tự, thủ tục tự kiểm tra văn bản

1. Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Lãnh đạo Bộ, Vụ Pháp chế tổ chức tự kiểm tra văn bản và lập Hồ sơ kiểm tra văn bản.

2. Hồ sơ kiểm tra văn bản gồm: văn bản được kiểm tra, "Phiếu kiểm tra văn bản" theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này và tài liệu liên quan khác.

3. Trường hợp văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, Vụ Pháp chế gửi "Phiếu kiểm tra văn bản" đến đơn vị chủ trì soạn thảo.

4. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được "Phiếu kiểm tra văn bản" của Vụ Pháp chế, đơn vị chủ trì soạn thảo có văn bản trả lời về kết quả kiểm tra để Vụ Pháp chế xem xét, trình Bộ trưởng phương án xử lý văn bản trái pháp luật.

Điều 11. Xử lý văn bản trái pháp luật

1. Việc xử lý kết quả tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại các điều 27, 28, 29, 30 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

2. Việc xử lý văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành đúng hình thức, thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

Điều 12. Thông báo kết quả xử lý văn bản trái pháp luật tự kiểm tra

1. Kết quả xử lý văn bản trái pháp luật do Bộ Công Thương tự kiểm tra phải được gửi đăng Công báo, đăng trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản xử lý.

2. Trường hợp văn bản được kiểm tra và xử lý theo yêu cầu, kiến nghị, thông báo của tổ chức, cá nhân khác, văn bản xử lý đồng thời được gửi cho tổ chức, cá nhân đó.

Mục 3
KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THEO THẨM QUYỀN

Điều 13. Phạm vi kiểm tra theo thẩm quyền

Các văn bản có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành.

Điều 14. Trình tự, thủ tục kiểm tra theo thẩm quyền

Trình tự, thủ tục kiểm tra theo thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Điều 15. Xử lý văn bản trái pháp luật theo thẩm quyền

1. Trường hợp phát hiện văn bản có nội dung trái pháp luật, trái thẩm quyền hoặc không còn phù hợp, Vụ Pháp chế kiến nghị Bộ trưởng có văn bản gửi cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản để xử lý.

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản không xử lý hoặc kết quả xử lý không phù hợp với các quy định của pháp luật, Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện thẩm quyền xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

3. Sau khi nhận được kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản, Vụ Pháp chế có trách nhiệm thông báo kết quả xử lý đến tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Vụ Pháp chế mở "Sổ theo dõi kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật" để theo dõi, đôn đốc việc xử lý văn bản của cơ quan ban hành văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Tổ chức đoàn kiểm tra theo chuyên đề, địa bàn

1. Căn cứ yêu cầu, kế hoạch hoạt động hàng năm về công tác kiểm tra văn bản, Vụ Pháp chế trình Bộ trưởng ký quyết định thành lập đoàn kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn.

2. Trước khi kiểm tra ít nhất 15 (mười lăm) ngày, đoàn kiểm tra gửi văn bản thông báo kế hoạch, lịch trình kiểm tra và các yêu cầu cần thiết cho việc kiểm tra đến cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản được kiểm tra.

Chương III
RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 17. Văn bản thuộc đối tượng rà soát, hệ thống hóa

1. Các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công thương.

2. Các điều ước, thỏa thuận quốc tế trong lĩnh vực công thương.

Điều 18. Trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản[2]

1. Vụ Pháp chế là đơn vị đầu mối có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và tổ chức thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản liên quan đến lĩnh vực Công Thương.

2. Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế và thực hiện rà soát văn bản điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao của các đơn vị

[2] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

Điều 19. Phương thức rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện thường xuyên để cập nhật văn bản mới hoặc theo chuyên đề, lĩnh vực hoặc khi tình hình kinh tế - xã hội thay đổi làm cho nội dung của văn bản đã ban hành không còn phù hợp.

2. Rà soát, hệ thống hóa văn bản khi nhận được thông tin, yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản quy phạm pháp luật chứa nội dung có dấu hiệu trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp.

3.[3] Định kỳ 6 (sáu) tháng, thực hiện rà soát, hệ thống hóa, xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành Quyết định công bố danh mục văn bản trong lĩnh vực Công Thương hết hiệu lực toàn bộ hoặc hết hiệu lực một phần và thực hiện đăng Công báo; đăng trên trang thông tin điện tử của Bộ sau khi được Bộ trưởng phê duyệt.

4. Định kỳ 5 (năm) năm, thực hiện rà soát, hệ thống hóa theo chuyên đề, lĩnh vực các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định pháp luật còn hiệu lực thi hành do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành có liên quan đến lĩnh vực công thương.

Điều 20. Văn bản để rà soát, đối chiếu

1. Văn bản để rà soát, đối chiếu là văn bản chính, văn bản lưu trữ, Công báo, Phụ lục Công báo, các văn bản từ nguồn website Chính phủ, Quốc hội, các Bộ.

2. Văn bản dùng để đối chiếu là những văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn văn bản được rà soát và văn bản của cơ quan cùng cấp chuyên ngành có liên quan đến nội dung văn bản rà soát, hệ thống hóa.

3. Điều lệ, Nghị quyết, Thông tri, Chỉ thị và văn kiện, tài liệu chính thức khác của Đảng Cộng sản Việt Nam; văn bản, tài liệu chính thức của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến đối tượng, phạm vi điều chỉnh và các nội dung cụ thể của văn bản được rà soát.[4]

4. Kết quả điều tra, khảo sát; thông tin, chỉ số, định mức về phát triển kinh tế - xã hội; số liệu, kết quả và báo cáo thống kê; các thông tin và số liệu về thực tiễn liên quan đến đối tượng, phạm vi điều chỉnh và các nội dung cụ thể của văn bản rà soát do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố[5]

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

[5] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

Điều 21. Nội dung rà soát văn bản[6]

1. Xem xét tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, tính đồng bộ của văn bản.

2. Thẩm quyền, nhiệm vụ được giao và căn cứ pháp lý ban hành văn bản.

3. Hiệu lực văn bản.

4. Sự phù hợp của nội dung văn bản với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 22. Phân loại, sắp xếp văn bản rà soát, hệ thống hóa

Văn bản rà soát, hệ thống hóa được phân loại theo một hoặc kết hợp các tiêu chí sau:

1. Tên, trích yếu văn bản.

2. Số, ký hiệu của văn bản.

3. Thẩm quyền, cơ quan ban hành văn bản.

4. Nhóm nội dung của văn bản.

5. Trình tự thời gian ban hành văn bản.

6. Hình thức văn bản.

7. Hiệu lực văn bản.

8. Các tiêu chí khác theo yêu cầu của rà soát, hệ thống hóa.

Điều 23. Quy trình rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Xác định, mục đích, lĩnh vực và phạm vi rà soát, hệ thống hóa.

2. Thu thập các văn bản rà soát và các văn bản làm căn cứ để đối chiếu.

3. Nghiên cứu và đánh giá văn bản dựa trên các nội dung rà soát quy định tại Thông tư này.

4. Phân loại, lập danh mục văn bản rà soát hệ thống hóa.

5. Tập hợp các kết quả, xây dựng báo cáo đánh giá kết quả hệ thống hóa văn bản.

6. Công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản.

Chương IV
THEO DÕI THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

Điều 24. Trách nhiệm theo dõi thi hành pháp luật[7]

1. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế

---

[6] Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

[7] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm của Bộ trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành;

b) Tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát, đánh giá việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực Công Thương đối với các chuyên đề do Vụ chủ trì thực hiện theo Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm của Bộ;

c) Phối hợp, đôn đốc các đơn vị thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực Công Thương do các đơn vị chủ trì theo Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm của Bộ;

d) Báo cáo Bộ trưởng và đề xuất biện pháp xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật;

đ) Định kỳ hàng năm tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực Công Thương gửi theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ

a) Lập Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm của đơn vị, gửi Vụ Pháp chế tổng hợp trình Lãnh đạo Bộ ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm của Bộ;

b) Tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình thi hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

c) Tổ chức thực hiện chuyên đề kiểm tra, điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình thi hành pháp luật do đơn vị chủ trì theo Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm của Bộ;

đ) Phối hợp với Vụ Pháp chế báo cáo Bộ trưởng và đề xuất biện pháp xử lý;

d) Gửi Vụ Pháp chế báo cáo định kỳ 6 (sáu) tháng về công tác theo dõi thi hành pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị

Điều 25. Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của Bộ Công Thương[8]

1. Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của Bộ Công Thương được xây dựng theo từng năm.

2. Kế hoạch bao gồm các nội dung chuyên đề theo dõi thi hành pháp luật; đối tượng kiểm tra, điều tra, khảo sát, cung cấp thông tin; địa điểm triển khai; phương thức triển khai.

3. Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của Bộ Công Thương được ban hành chậm nhất trước ngày 30 tháng 01 hàng năm và có thể được sửa đổi, bổ sung chậm nhất trước ngày 15 tháng 7 hàng năm

[8] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

Điều 26. Nội dung theo dõi thi hành pháp luật[9]

1. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật.

3. Tình hình tuân thủ pháp luật

Điều 26a. Nội dung đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật[10]

1. Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết.

2. Tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của văn bản.

3. Tính khả thi của văn bản.

Điều 26b. Nội dung đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật[11]

1. Tính kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật.

2. Tính phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật.

3. Mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật.

Điều 26c. Nội dung đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật[12]

1. Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

---

[9] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

[10] Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

[11] Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

[12] Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

2. Tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

3. Mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Điều 27. Cách thức theo dõi thi hành pháp luật[13]

1. Thu thập thông tin về thi hành pháp luật.

2. Kiểm tra thi hành pháp luật.

3. Điều tra, khảo sát thi hành pháp luật

Điều 27a. Thu thập thông tin về thi hành pháp luật[14]

1. Vụ Pháp chế, các đơn vị thuộc Bộ tổng hợp thông tin về tình hình thi hành pháp luật từ báo cáo của các cơ quan nhà nước theo các nội dung sau đây:

a) Số lượng, hình thức và tên văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; số lượng, hình thức và tên văn bản ban hành chậm tiến độ và lý do chậm tiến độ; số lượng văn bản không thống nhất, không đồng bộ và tính khả thi không cao;

b) Nội dung, hình thức tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện; thực trạng về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, các điều kiện về kinh phí và cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật;

c) Tình hình hướng dẫn áp dụng pháp luật, tình hình áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền;

d) Tình hình xử lý vi phạm pháp luật.

2. Vụ Pháp chế, các đơn vị thuộc Bộ thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp. Thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp phải được kiểm tra, đối chiếu trước khi sử dụng để đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

Điều 27b. Kiểm tra thi hành pháp luật[15]

---

[13] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

[14] Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

[15] Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

1. Vụ Pháp chế, các đơn vị thuộc Bộ thực hiện việc kiểm tra thi hành pháp luật nhằm kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong thi hành pháp luật và khiếm khuyết, bất cập của hệ thống pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của cơ quan tiến hành kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Điều 27c. Điều tra, khảo sát thi hành pháp luật[16]

1. Vụ Pháp chế, các đơn vị thuộc Bộ điều tra, khảo sát theo yêu cầu tình hình thi hành pháp luật về từng lĩnh vực, địa bàn và đối tượng cụ thể thông qua phiếu khảo sát, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác.

2. Hoạt động điều tra, khảo sát có thể được thực hiện theo cơ chế cộng tác viên.

Điều 27d. Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật[17]

1. Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, Vụ Pháp chế, các đơn vị thuộc Bộ xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau đây:

a) Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật;

c) Kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực;

d) Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật;

đ) Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật;

e) Thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Vụ Pháp chế, các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền. Các đơn vị có trách nhiệm gửi kết quả xử lý về Vụ Pháp chế tổng hợp theo dõi chung.

---

[16] Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

[17] Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Kinh phí bảo đảm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Kinh phí bảo đảm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách Nhà nước cấp, được dự toán chung trong kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Bộ Công Thương.

2. Hàng năm trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật, Vụ Pháp chế chủ trì xây dựng dự toán kinh phí gửi Vụ Tài chính tổng hợp.

3. Vụ Tài chính có trách nhiệm trình lãnh đạo Bộ phê duyệt kinh phí cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 29. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật gồm:

a) Báo cáo 6 tháng đầu năm và Báo cáo năm;

b) Báo cáo chuyên đề (nếu có);

c) Báo cáo đột xuất (nếu có).

2. Thời hạn báo cáo

a) Báo cáo 6 tháng đầu năm của các đơn vị được gửi đến Vụ Pháp chế chậm nhất là ngày 20 tháng 5;

b) Báo cáo năm của các đơn vị được gửi đến Vụ Pháp chế chậm nhất là ngày 20 tháng 10;

c) Niên hạn báo cáo được tính từ ngày 01 tháng 10 của năm trước đến ngày 30 tháng 9 của năm thực hiện báo cáo.

Điều 30. Những hành vi vi phạm pháp luật trong công tác kiểm tra, xử lý văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản

1. Không tổ chức kiểm tra, xử lý các văn bản thuộc thẩm quyền kiểm tra, xử lý.

2. Không kiểm tra, xử lý văn bản khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc đề nghị, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các cơ quan thông tin đại chúng.

3. Không xử lý hoặc không báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý văn bản khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

4. Ban hành quyết định xử lý trái pháp luật, đưa ra yêu cầu, kiến nghị trái pháp luật đối với cơ quan, người có văn bản được kiểm tra.

5. Kiểm tra, xử lý văn bản không thuộc thẩm quyền kiểm tra, xử lý.

6. Không chuyển cho cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra, xử lý văn bản các văn bản không thuộc thẩm quyền kiểm tra, xử lý của mình.

7. Những hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật.

Tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm pháp luật về kiểm tra, xử lý văn bản, cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Hiệu lực thi hành[18]

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2011 và thay thế Thông tư số 01/2009/TT-BCT ngày 20 tháng 01 năm 2009 của Bộ Công Thương hướng dẫn công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật ngành công thương./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 12/VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2014

BỘ TRƯỞNG

Vũ Huy Hoàng

---

[18] Điều 2, Điều 3 Thông tư số 35/2013/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2014, quy định về hiệu lực thi hành như sau:

"***Điều 2. Trách nhiệm thi hành***

Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 02 năm 2014./."

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng